

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4219 /SXD-QLXD

Thừa Thiên Huế, ngày 07 tháng 11 năm 2022

V/v Báo cáo công tác bảo vệ môi trường
ngành xây dựng theo quy định tại
Thông tư 02/2018/TT-BXD

Kính gửi:

- Các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng;
- Các cơ sở khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng;
- Các cơ sở sản xuất sản phẩm cơ khí xây dựng trên địa bàn;
- Các Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực các thị xã: Hương Trà; Hương Thủy;
- Các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực các huyện: Nam Đông, A Lưới, Quảng Điền, Phong Điền, Phú Lộc, Phú Vang;
- Ban Quản lý dự án ĐTXD thành phố Huế;
- Ban Quản lý Khu Kinh tế công nghiệp tỉnh;

Thực hiện việc Báo cáo định kỳ hàng năm về công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng. Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế kính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị báo cáo theo quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BXD;

Theo đó, Sở Xây dựng sẽ tổng hợp, báo cáo công tác bảo vệ môi trường các năm 2022 theo quy định gửi về Bộ Xây dựng và cập nhật lưu trữ hàng năm theo quy định;

Sở Xây dựng đề nghị các đơn vị cung cấp các thông tin, số liệu, dữ liệu về nguồn phát sinh chất thải, tác động của chất thải tới các thành phần môi trường các năm 2022 theo mẫu Phụ lục 1, Thông tư 02/2018/TT-BXD (có Phụ lục 1 đính kèm);

Riêng Ban Quản lý Khu Kinh tế công nghiệp và phát triển đô thị báo cáo thêm tình hình quản lý môi trường các dự án của Nhà đầu tư;

Văn bản của các Quý đơn vị gửi về Sở Xây dựng trước ngày 25/11/2022, theo địa chỉ:

Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế

Khu Hành chính tập trung tỉnh, đường Võ Nguyên Giáp, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Hoặc gửi qua địa chỉ mail: mtmthuy.sxd@thuathienhue.gov.vn

Rất mong sự phối hợp của các đơn vị.

(Ghi chú : Mẫu Phụ lục 1, của Thông tư 02/2018/TT-BXD có đăng tải trên website của Sở Xây dựng)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLXD.

M. Tran



PHỤ LỤC 1
BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT
NGÀNH XÂY DỰNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

I. Các thông tin chung

1. Tên đơn vị:

Địa chỉ:

.....

Điện

thoại: Fax:

2. Cơ quan chủ quản:

3. Tổng diện tích mặt bằng: (m²)

4. Số cán bộ công nhân viên: (người)

5. Số cán bộ công nhân viên phụ trách về môi trường của cơ sở: (người)

6. Hiện trạng công nghệ sản xuất, kinh doanh:

Giới thiệu về tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị trong năm..... Mô tả sơ đồ khối dây chuyền công nghệ sản xuất và các nguồn thải phát sinh.

7. Sản phẩm của doanh nghiệp:

STT	Sản phẩm	Đơn vị/năm	Số lượng
<i>A</i>	<i>Sản phẩm chính</i>		
1			
2			
...			
<i>B</i>	<i>Sản phẩm phụ</i>		
1			
2			
....			

II. Hiện trạng cây xanh trong cơ sở sản xuất

STT	Hiện trạng cây xanh	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
1	Diện tích cây xanh	m ²		
2	Tỷ lệ diện tích cây xanh/tổng diện tích	%		



III. Hiện trạng môi trường trong cơ sở

1. Các thủ tục pháp lý, tài liệu liên quan đến công tác bảo vệ môi trường

- Đơn vị gửi kèm theo Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM hoặc các quyết định, tài liệu liên quan (đối với trường hợp báo cáo lần đầu hoặc khi có sự thay đổi, bổ sung về các văn bản, tài liệu liên quan).

- Chứng nhận đạt Tiêu chuẩn ISO 14001 (nếu có).

2. Nước thải và xử lý nước thải

a) Khối lượng nước thải:

Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt xả thải theo hệ thống:

Chung

Riêng biệt

STT	Loại nước thải	Khối lượng (m ³ /năm)
1	Nước thải sản xuất, nghiệp vụ	
2	Nước thải sinh hoạt	
3	Loại khác:	

b) Nguồn xả thải từ (Bộ phận sản xuất, công đoạn nào thải ra nước thải):.....

.....
.....
.....

c) Tính chất nước thải (yếu tố gây ô nhiễm):

.....
.....
.....

d) Hệ thống xử lý nước thải:

Có: Không có: Đang xây dựng:

- Năm xây dựng hệ thống xử lý nước thải:

+ Số mô-đun xử lý:.....; Tổng công suất xử lý:

.....

+ Chi phí xử lý nước thải:

.....(Đồng/tháng)..... (Đồng/m³)

- Biện pháp xử lý:

Lắng sơ bộ Xử lý sinh học (SH) Khác

Xử lý hóa học (HH) Kết hợp SH và HH Hiệu quả xử lý... %

- Nước sau xử lý có đạt tiêu chuẩn cho phép hay không?:

Đạt TCCP Không đạt TCCP; Loại tiêu chuẩn, quy chuẩn:

- Khối lượng nước thải được xử lý và hóa chất tiêu thụ trong năm.....:

STT	Nước thải và hóa chất	Đơn vị/năm	Khối lượng
I	Khối lượng nước thải được xử lý		
II	Hóa chất sử dụng		
1			
2			
....			

3. Khí thải và xử lý khí thải (nếu có)

a) Khối lượng khí thải:

b) Nguồn phát sinh khí thải (Bộ phận sản xuất, công đoạn nào thải ra khí thải):

.....

c) Doanh nghiệp có ống khói hay không?:

Có: Nếu có, số lượng ống khói
 là: ống

Không:

d) Nếu có, nêu kích thước ống khói:

Chiều cao ống khói (m):

Đường kính miệng ống khói (m):

đ) Nhiệt độ và thành phần khí thải (các yếu tố gây ô nhiễm và tỷ lệ % trong khí thải):

e) Hệ thống xử lý khí thải:

Có: Không có: Đang xây dựng:

- Khí thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép:

Đạt TCCP Không đạt TCCP; Loại tiêu chuẩn, quy chuẩn:

- Các hóa chất sử dụng để xử lý (tên và khối lượng):

+ Hóa chất 1:

+ Hóa chất 2:

+ Hóa chất n:

4. Chất thải rắn và xử lý chất thải rắn

a) Khối lượng chất thải rắn:

H.C.
 SỞ
 DƯ
 T.H

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sản xuất, nghiệp vụ	
2	Chất thải rắn sinh hoạt	
3	Chất thải rắn khác	

b) Nguồn phát sinh chất thải rắn (Bộ phận sản xuất, công đoạn nào thải ra chất thải rắn):

.....

c) Tỷ lệ chất thải rắn được xử lý:

STT	Loại chất thải	Tỷ lệ chất thải rắn (%)
1	Tỷ lệ chất thải rắn tái sử dụng tại cơ sở	
2	Tỷ lệ chất thải rắn bán cho đơn vị khác	
3	Tỷ lệ chất thải rắn đưa đi chôn lấp hoặc xử lý	
4	Tỷ lệ khác	

d) Hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn:

- Cơ sở có hệ thống thu gom chất thải rắn hay không?

Có:

Không:

Đang đầu tư:

Nếu có, số lượng thùng rác là:....., số xe đẩy là:.....; loại khác:

- Cơ sở có khu tập kết chất thải rắn hay không?

Không:

Có:

Nếu có, thì diện tích khu tập kết là: m², đặc điểm khu tập kết rác thải:

Có mái che

Không có mái che

Có nền, tường bao quanh

Không có nền, tường bao

- Biện pháp xử lý chất thải rắn:

Tự xử lý, bằng công nghệ, phương pháp:

Thuê đơn vị vận chuyển đi xử lý,

Tên đơn vị chịu trách nhiệm vận

chuyển:

.....

- Chi phí thu gom và xử lý chất thải rắn:

Đồng/năm.

5. Chất thải nguy hại và xử lý chất thải nguy hại

a) Khối lượng chất thải nguy hại:

STT	Loại chất thải nguy hại	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải nguy hại ở thể rắn	
2	Chất thải nguy hại ở thể lỏng	
3	Chất thải nguy hại ở thể khí	

Ghi rõ chất thải nguy hại:

+ Thể rắn, gồm:

+ Thể lỏng, gồm:

+ Thể khí, gồm:

b) Nguồn phát sinh chất thải nguy hại (Bộ phận sản xuất, công đoạn nào thải ra chất thải nguy hại):

.....
.....

c) Đơn vị có hệ thống xử lý chất thải nguy hại hay không:

Có: Không có: Đang xây dựng:

- Nếu có hệ thống xử lý, nêu rõ:

+ Năm xây dựng hệ thống:

+ Quy mô và công suất xử lý:

- Trường cơ sở sản xuất ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý chất thải nguy hại, đề nghị cung cấp thông tin đơn vị ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại (Tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, bản sao Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại giữa chủ cơ sở sản xuất và đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý):

- Chi phí thuê thu gom, xử lý chất thải nguy hại: Đồng/năm

IV. Hiện trạng sức khỏe của cán bộ công nhân viên trong cơ sở sản xuất

Các bệnh nghề nghiệp của công nhân, người lao động trong năm.....

STT	Tên bệnh nghề nghiệp	Số người mắc bệnh (người)	Tỷ lệ (%)
1			
2			
...			

V. Kiến nghị của cơ sở

.....



.....
.....
.....
.....

....., ngày... tháng... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

[Faint handwritten text]